

Số: 1541 /TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2021

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Trung tâm Khảo kiểm nghiệm phân bón Quốc gia

Địa chỉ: Số 65 phố Sa Đôi, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ phòng thử nghiệm tại Thành phố Hà Nội: Số 65 phố Sa Đôi, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.37894395 Fax: 024.37894395

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực:
Hóa học (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 19/TN -TĐC.

3. Giấy chứng nhận này được cấp lần 8 và có hiệu lực đến ngày 26/02/2022.

Nơi nhận:

- Trung tâm Khảo kiểm nghiệm phân bón Quốc gia;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Linh

Phụ lục

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

*(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 1541/TĐC – HCHQ ngày 25 tháng 05 năm 2021
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).*

STT	Tên sản phẩm	Tên phép thử	Phương pháp thử
I. Lĩnh vực Hóa học			
1.	Phân bón	Xác định hàm lượng Bo hoà tan trong nước bằng phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử	TCVN 13263-7:2020
2.		Xác định hàm lượng Bo hoà tan trong axit bằng phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử	TCVN 13263-8:2020
3.		Xác định độ pH	TCVN 13263-9:2020
4.		Xác định tỷ trọng	TCVN 13263-10:2020
5.		Xác định hàm lượng vitamin C bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	TCVN 13263-3:2020
6.		Xác định hàm lượng nhóm gibberellin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao: GA3; GA4; GA7	TCVN 13263-6:2020
7.	Chế phẩm	Xác định tỷ trọng	Ref.TCVN3731:2007
8.		Xác định hàm lượng chất hữu cơ	Ref.TCVN 9294:2012
9.		Xác định độ ẩm	Ref.TCVN 9297:2012
10.		Xác định hàm lượng Axit Fulvic	Ref.TCVN 8561:2010
11.		Xác định hàm lượng Axit Humic	Ref.TCVN 8561:2010
12.		Xác định hàm lượng Nitơ tổng số	Ref.TCVN 8557:2010
13.		Xác định hàm lượng P ₂ O ₅ hữu hiệu	Ref.TCVN 8559:2010
14.		Xác định hàm lượng K ₂ O hữu hiệu	Ref.TCVN 8560:2018
15.		Xác định hàm lượng Mo	Ref.TCVN 9283:2018
16.		Xác định hàm lượng Mn	Ref.TCVN 9288:2012
17.		Xác định pH	Ref.TCVN6492:2011
18.		Xác định pH	Ref.TCVN 5979:2007
19.	Đất	Xác định chất khô và hàm lượng nước theo khối lượng - phương pháp khối lượng	TCVN 6648:2000

STT	Tên sản phẩm	Tên phép thử	Phương pháp thử
20.		Xác định hàm lượng kali tổng số	TCVN 8660: 2011
21.		Xác định hàm lượng kali dễ tiêu	TCVN 8662:2011
22.	Đất	Xác định hàm lượng Pb trong dịch chiết đất cường thủy	TCVN 6496:2009
23.		Xác định hàm lượng Cd trong dịch chiết đất cường thủy	TCVN 6496:2009
24.		Xác định hàm lượng Cr trong dịch chiết đất cường thủy	TCVN 6496:2009
25.		Xác định hàm lượng Cu trong dịch chiết đất cường thủy	TCVN 6496:2009
26.		Xác định hàm lượng Zn trong dịch chiết đất cường thủy	TCVN 6496:2009
27.		Xác định hàm lượng As	TCVN 8467:2010
28.		Xác định hàm lượng cacbon hữu cơ tổng số (OM, OC)	TCVN 8941:2011
29.		Xác định pH _{KCl}	TCVN 5979:2007
30.		Xác định hàm lượng nitơ tổng số	TCVN 6498:1999
31.		Xác định hàm lượng phospho tổng số	TCVN 8940:2011
32.		Xác định hàm lượng phospho dễ tiêu	TCVN 8942: 2011
33.	Rau, củ, quả, chè	Xác định hàm lượng Cadmi (Cd) Phương pháp GF-AAS	Ref.TCVN 8126:2009 và/and TCVN 7768-1:2007
34.		Xác định hàm lượng Chì (Pb) Phương pháp GF-AAS	Ref.TCVN 8126:2009 TCVN 7766:2007
35.		Xác định hàm lượng Asen (As) Phương pháp HVG-AAS	Ref.TCVN 8126:2009 TCVN 7770:2007
36.		Xác định Thủy ngân (Hg) Phương pháp CV-AAS	Ref.TCVN 8126:2009 TCVN 7604:2007
37.		Xác định nitrat và nitrit	TCVN 8742:2011
38.		Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Metalaxyl	EN 15662:2008
39.		Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Cypermethrin	EN 15662:2008
40.		Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Abamectin	EN 15662:2008



ky

STT	Tên sản phẩm	Tên phép thử	Phương pháp thử
41.	Rau, củ, quả, chè	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Anpha Cypermethrin	EN 15662:2008
42.		Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Permethrin	EN 15662:2008
II. Lĩnh vực Sinh học			
1.	Phân bón	Định lượng bào tử Bacillus spp.	KNPB/HD/101
2.	Phân bón	Định lượng tổng VSV không phân giải hợp chất phospho khó tan	KNPB/HD/98 (Ref.TCVN 6167:1996 và TCVN 4884-1:2015)
3.		Định lượng tổng VSV không phân giải xenlulo	KNPB/HD/98 (Ref.TCVN 6168:2002 và TCVN 4884-1:2015)
4.	Đất	Vi sinh vật tổng số	Ref. TCVN 4884 - 1:2015
5.		Vi khuẩn E.Coli	Ref.TCVN 6846:2007
6.		Vi sinh vật cố định nito	TCVN 6166:2002
7.		Vi sinh vật phân giải hợp chất photpho khó tan	TCVN 6167:1996
8.		Vi sinh vật phân giải xenlulo	TCVN 6168:2002
9.		Vi khuẩn Salmonella spp	Ref.TCVN 10780-1:2017/ISO 6579-1:2017
10.		Chế phẩm	Vi sinh vật cố định nito
11.	Vi sinh vật phân giải hợp chất photpho khó tan		TCVN 6167:1996
12.	Vi sinh vật phân giải xenlulo		TCVN 6168:2002
13.	Vi khuẩn Salmonella spp		Ref.TCVN 10780-1:2017/ISO 6579-1:2017
14.	Định lượng tổng VSV không phân giải hợp chất phospho khó tan		KNPB/HD/98 (Ref.TCVN 6167:1996 và TCVN 4884-1:2015)
15.	Định lượng tổng VSV không phân giải xenlulo		KNPB/HD/98 (Ref.TCVN 6168:2002 và TCVN 4884-1:2015)



ky

STT	Tên sản phẩm	Tên phép thử	Phương pháp thử
16.	Chế phẩm	Vi khuẩn E.Coli	Ref.TCVN 6846:2007
17.		Định lượng bào tử Bacillus spp	KNPB/HD/101
18.		Định lượng <i>Trichoderma</i> spp.	KNPB/HD/97 (Ref. <i>Trichoderma and Gliocladium</i> . Volume 1: Basic biology, taxonomy and genetics, 5, 61 pp)
19.	Rau, củ, quả, chè	Định lượng Escherichia coli dương tính β -Glucuronidaza – Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-Bromo-4-clo-3-indolyl β -D-Glucuronid	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2 : 2001)
20.		Định tính Salmonella spp	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
21.	Khuẩn lạc nấm, vi khuẩn trên đĩa thạch. Dịch nuôi cấy thuần khiết vi khuẩn, nấm	Định danh vi sinh vật	AOAC 2017.09 AOAC 2017.10

Ghi chú:

- Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan và các Văn bản quy phạm pháp luật để quản lý, Trung tâm Khảo kiểm nghiệm phân bón Quốc gia phải thực hiện theo các quy định này trước khi thực hiện thử nghiệm.

- KNPB/HD/XXX: Phương pháp nội bộ do phòng thử nghiệm Trung tâm xây dựng.

